

Số: 495/QĐ-ĐHCN

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 945/QĐ-TTg ngày 04/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4811/QĐ-BCT ngày 29/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 630/QĐ-ĐHCN ngày 18/6/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Kế hoạch số 02/KH-ĐHCN ngày 02/01/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội về việc Chính sửa Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo về việc Thông qua Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2019 tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Xét đề nghị của Ông Giám đốc Trung tâm đào tạo Sau đại học;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, bao gồm Chương trình khung và Đề cương chi tiết các học phần.

(Danh sách và nội dung Chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Chương trình đào tạo này được áp dụng đào tạo trình độ thạc sĩ cho các khoá tuyển sinh từ tháng 6 năm 2019 trở đi.

Điều 3. Các Ông (Bà) Giám đốc TT. Đào tạo Sau đại học, Trưởng các khoa đào tạo, Trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Lưu: VT, SĐH.



PGS.TS. Trần Đức Quý



DANH SÁCH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
(Kèm theo Quyết định số 495/QĐ-ĐHCN ngày 17/5/2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
về việc Ban Hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ)

Stt	Tên ngành đào tạo	Mã ngành	Khoa Chuyên môn quản lý	Ghi chú
1.	Kỹ thuật Cơ khí	8520103	Khoa Cơ khí	
2.	Kỹ thuật Cơ khí động lực	8520116	Khoa Công nghệ Ô tô	
3.	Kỹ thuật Cơ điện tử	8520114	Khoa Cơ khí	
4.	Kỹ thuật Hóa học	8520301	Khoa Công nghệ Hoá	
5.	Kỹ thuật Điện tử	8520203	Khoa Điện tử	
6.	Kỹ thuật Điện	8520201	Khoa Điện	
7.	Kế toán	8340301	Khoá Kế toán – Kiểm toán	
8.	Quản trị kinh doanh	8340101	Khoa Quản lý Kinh doanh	
9.	Hệ thống thông tin	8480104	Khoa Công nghệ Thông tin	



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 495/QĐ-ĐHCN ngày 17 tháng 5 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Tên chương trình:	Thạc sĩ Kế toán
Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ
Ngành đào tạo:	Kế toán
Mã số:	8340301
Loại hình đào tạo:	Chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

❖ Mục tiêu chung

Đào tạo học viên có trình độ thạc sĩ ngành kế toán có kiến thức chuyên môn vững vàng, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành kế toán - kiểm toán, tài chính.

❖ Mục tiêu cụ thể

+ Kiến thức:

- Trang bị cho người học những kiến thức phục vụ cho việc tổng hợp, phân tích, luận giải các vấn đề liên quan đến hệ thống kế toán - kiểm toán, tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0;

- Cung cấp cho người học những kiến thức, phương pháp và công cụ để hiểu biết sâu về kế toán quản trị, kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp;

- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản phục vụ cho công tác hoạch định và quản trị tài chính của các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế xã hội khác.

+ Kỹ năng:

- Kỹ năng tổng hợp, phân tích, hoạch định và tổ chức thực thi các chính sách và quyết định về kế toán và kiểm toán; Kỹ năng quản trị, đặc biệt là quản trị rủi ro trong các doanh nghiệp; Kỹ năng phân tích, đánh giá tình hình tài chính chung cũng như tình hình tài chính của các doanh nghiệp; Có khả năng tư duy hệ thống, phát hiện và giải quyết các vấn đề một cách độc lập, sáng tạo;

- Kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo và chịu được áp lực công việc; Kỹ năng thuyết trình, quản lý và lãnh đạo nhóm.

+ Thái độ:

- Có phẩm chất đạo đức cá nhân như bản lĩnh, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm, linh hoạt, sáng tạo;

- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như đam mê nghiên cứu khám phá kiến thức mới, có trách nhiệm trong công việc và với cộng đồng;

- Có phẩm chất đạo đức xã hội như tôn trọng luật pháp, có tinh thần kỷ luật, có lối sống trong sáng, lành mạnh.

+ Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:

- Chuyên gia hoạch định, phân tích và tư vấn chính sách về các hoạt động liên quan tới lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, làm việc tại các tập đoàn, tổng công ty, công ty, các tổ chức kinh tế-xã hội từ trung ương tới địa phương;

- Chuyên viên cao cấp về phân tích, quản trị tài chính và kiểm soát nội bộ của các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế;

- Nghiên cứu viên và giảng viên về kế toán-kiểm toán, tài chính, tại các viện nghiên cứu, các trường đại học và cao đẳng;

- Các nhà quản lý tại cơ quan quản lý nhà nước hay giám đốc tài chính tại các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế.

+ Trình độ Ngoại ngữ:

Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên (HV) đạt được tương đương cấp độ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo toàn khóa: 2 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ tích lũy: 45 tín chỉ (TC).

4. Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp Đại học, hoặc tương đương.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Căn cứ vào Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

6. Thang điểm

Thang điểm chữ theo hệ hống đào tạo tín chỉ tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

7. Nội dung chương trình

7.1. Khái quát chương trình

Chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy tập trung, thời gian quy định là 2 năm, hoàn thành chương trình trong 4 học kỳ. Thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ, để hoàn thành chương trình học viên có thể kéo dài tối đa 4 năm (Bảng 7.1).

Bảng 7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Stt	Nội dung	Số tín chỉ
1	Phần 1. Kiến thức chung	5
	Triết học	3
	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
2	Phần 2. Kiến thức cơ sở	16
	Phần kiến thức cơ sở bắt buộc	6
	Phần kiến thức cơ sở tự chọn	10
3	Phần 3. Kiến thức chuyên ngành	14
	Phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc	10
	Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn	4
4	Phần 4. Luận văn tốt nghiệp	10
	Luận văn tốt nghiệp	10
Tổng số		45

7.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Bảng 7.2. Chương trình đào tạo thạc sĩ Kế toán

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL /TT/LV
I	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG			5	3	2
1	LP	7101	Triết học	3	2	1
2	BM	7109	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
II	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ			16	14	2
2.1	Các học phần cơ sở bắt buộc			6	6	0
1	BM	7104	Kinh tế học ứng dụng	3	3	0
2	AA	7114	Lý thuyết kế toán	3	3	0
2.2	Các học phần cơ sở tự chọn (chọn 10 tín chỉ trong các học phần sau)			10	8	2
2.2.1	Nhóm cơ sở tự chọn A (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)			2	1	1
1	LP	7103	Kinh tế chính trị	2	1	1
2	AA	7102	Đề án nghiên cứu trong kế toán, kiểm toán	2	1	1

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL /TT/LV
2.2.2			<i>Nhóm cơ sở tự chọn B (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)</i>	2	2	0
1	AA	7103	Hệ thống thông tin kế toán	2	2	0
2	BM	7125	Quản trị doanh nghiệp	2	1	1
2.2.3			<i>Nhóm cơ sở tự chọn C (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)</i>	2	2	0
1	BM	7115	Quản trị dự án	2	1	1
2	AA	7105	Kế toán định giá doanh nghiệp	2	2	0
2.2.4			<i>Nhóm cơ sở tự chọn D (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)</i>	2	1	1
1	BM	7118	Quản trị tài chính doanh nghiệp	2	1	1
2	BM	7124	Quản lý tài chính công	2	1	1
2.2.5			<i>Nhóm cơ sở tự chọn E (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)</i>	2	2	0
1	AA	7101	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	2	2	0
2	LP	7102	Pháp luật về kinh doanh	2	2	0
III	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			14	14	0
3.1	Các học phần chuyên ngành bắt buộc			10	10	0
1	AA	7107	Kế toán tài chính 1	3	3	0
2	AA	7106	Kế toán quản trị	2	2	0
3	AA	7111	Kiểm toán	3	3	0
4	AA	7115	Phân tích báo cáo tài chính	2	2	0
3.2	Các học phần chuyên ngành tự chọn (chọn 4 tín chỉ trong các học phần sau)			4	4	0
3.2.1			<i>Nhóm chuyên ngành tự chọn A (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)</i>	2	2	0
1	AA	7108	Kế toán tài chính 2	2	2	0
2	AA	7110	Kiểm soát nội bộ	2	2	0
3.2.2			<i>Nhóm chuyên ngành tự chọn B (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)</i>	2	2	0
1	AA	7109	Kế toán thuế	2	2	0
2	AA	7104	Kế toán công	2	2	0

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL /TT/LV
IV	PHẦN LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP			10	0	10
1	AA	7114	Luận văn thạc sĩ	10	0	10
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)				45	31	14

(*) *Trình độ Ngoại ngữ:*

Học viên tự học để đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ tương đương cấp độ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

8. Kế hoạch đào tạo toàn khóa theo hình thức tập trung

Bảng 8.1. Kế hoạch đào tạo toàn khóa

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Tổng số TC	Học kỳ			
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV
I	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG			5				
1	LP	7101	Triết học	3	X			
2	BM	7109	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	X			
II	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ			16				
2.1	Các học phần cơ sở bắt buộc			6				
1	BM	7104	Kinh tế học ứng dụng	3	X			
2	AA	7114	Lý thuyết kế toán	3	X			
2.2	Các học phần cơ sở tự chọn (chọn 10 tín chỉ trong các học phần sau)			10				
2.2.1	Nhóm cơ sở tự chọn A (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)			2				
1	AA	7112	Kinh tế chính trị	2			X	
2	AA	7102	Đề án nghiên cứu trong kế toán, kiểm toán	2			X	
2.2.2	Nhóm cơ sở tự chọn B (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)			2				
1	AA	7103	Hệ thống thông tin kế toán	2		X		
2	AA	7117	Quản trị doanh nghiệp	2	X			
2.2.3	Nhóm cơ sở tự chọn C (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)			2				
1	BM	7115	Quản trị dự án	2		X		

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Tổng số TC	Học kỳ			
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV
2	AA	7105	Kế toán định giá doanh nghiệp	2		X		
2.2.4	<i>Nhóm cơ sở tự chọn D (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)</i>			2				
1	BM	7118	Quản trị tài chính doanh nghiệp	2	X			
2	AA	7116	Quản lý tài chính công	2	X			
2.2.5	<i>Nhóm cơ sở tự chọn E (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)</i>			2				
1	AA	7101	Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế	2		X		
2	LP	7102	Pháp luật về kinh doanh	2		X		
III	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			14				
3.1	Các học phần chuyên ngành bắt buộc			10				
1	AA	7107	Kế toán tài chính 1	3		X		
2	AA	7106	Kế toán quản trị	2		X		
3	AA	7111	Kiểm toán	3			X	
4	AA	7115	Phân tích báo cáo tài chính	2		X		
3.2	Các học phần chuyên ngành tự chọn (chọn 4 tín chỉ trong các học phần sau)			4				
3.2.1	<i>Nhóm chuyên ngành tự chọn A (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)</i>			2				
1	AA	7108	Kế toán tài chính 2	2			X	
2	AA	7110	Kiểm soát nội bộ	2			X	
3.2.2	<i>Nhóm chuyên ngành tự chọn B (chọn 2 tín chỉ trong các học phần sau)</i>			2				
1	AA	7109	Kế toán thuế	2			X	
2	AA	7104	Kế toán công	2			X	
IV	PHẦN LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP			25				
1	AA	7114	Luận văn thạc sĩ	15				X
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)				45	13	13	9	10

9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

❖ Giờ qui đổi được tính như sau:

01 Tín chỉ = 15 giờ giảng trên lớp (1 giờ giảng = 50 phút);

01 Tín chỉ = 30 giờ thí nghiệm, thực hành;

01 Tín chỉ = 50 giờ thực tập, làm luận văn tốt nghiệp.

Chương trình đào tạo ngành là cơ sở giúp Hiệu trưởng quản lý chất lượng đào tạo, là quy định bắt buộc đối với tất cả các khoa chuyên môn nghiêm túc thực hiện theo đúng nội dung chương trình đã xây dựng.

Căn cứ chương trình đào tạo ngành, Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các Bộ môn tiến hành xây dựng đề cương chi tiết học phần theo quy định của trường sao cho vừa đảm bảo được mục tiêu, nội dung, yêu cầu đề ra, vừa đảm bảo phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường, đáp ứng được nhu cầu của người học và của xã hội. Trên cơ sở đề cương chi tiết học phần, tiến hành xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung các trang thiết bị, máy móc phục vụ đào tạo. Trưởng các khoa chuyên môn có trách nhiệm ký, duyệt đề cương chi tiết học phần, xây dựng kế hoạch dạy học, và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và chuẩn đầu ra.

❖ Trong quá trình thực hiện chương trình giảng viên cần lưu ý:

- Giảng viên thực hiện trên lớp học lý thuyết cần được trang bị máy chiếu projector, máy tính, nối mạng internet. Khi giảng dạy cần lấy các ví dụ liên hệ thực tiễn minh họa để bài giảng sinh động.

- Trong quá trình thực hiện chương trình, hàng năm nếu Khoa/Bộ môn thấy cần phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế làm văn bản trình lên Hội đồng khoa học và đào tạo Trường xem xét. Nếu thấy hợp lý, Hội đồng khoa học và đào tạo trình Hiệu trưởng quyết định điều chỉnh và chỉ điều chỉnh khi có quyết định của Hiệu trưởng.

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA



Trần Đức Quý

PGS.TS. Đặng Ngọc Hùng